

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 10 – 2023.

V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Quang Chính

- Bà Lê Thị Hường

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2023, về việc tranh chấp: "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXX-ST, ngày 07-9-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 87 ngày 22-9-2023 giữa.

1. Nguyên đơn: Ông Kiều Thanh T, sinh năm: 1991 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Kiều Thị Diễm T1, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: T, P, N, Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông Kiều Thanh T bà Kiều Thị Diễm T1 tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận về chung sống vào năm 2009 đến năm 2014 có đến UBND xã P đăng ký kết hôn; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T1 có quan hệ với người đàn ông khác, không quan tâm gia đình, thường xảy ra cãi vã, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Nay ông T xét thấy tình cảm giữa ông với ông T1 không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T1.

Về con chung: Có 01 con chung tên Kiều Thanh L, sinh ngày 03-01-2020; tại phiên tòa ông T khai trong quá trình Tòa án giải quyết ông T trông nom chăm sóc cháu L và ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, Tòa án chưa giải quyết bà T1 xin gặp cháu L và bà T1 đã đưa cháu L về nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tại phiên Tòa ông T đồng ý để bà T1 nuôi cháu L và ông không yêu cầu nuôi cháu L.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có.

Về thu nhập: Ông T làm thợ điện lạnh thu nhập mỗi tháng 20.000.000 đồng

Bị đơn Tòa án tổng đạt thông báo, giấy triệu tập theo thủ tục tố tụng bị đơn không có mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Trần Thanh T được ly hôn bà Kiều Thị Diễm T1.

Về con chung: Giao cho bà T1 nuôi 01 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, con chung"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Xét về hôn nhân: Ông Kiều Thanh T, bà Kiều Thị Diễm T1 tự tìm hiểu về chung sống có đến cơ quan cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn năm 2009 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2021 xảy ra xích mích, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm với nhau, tình cảm lạnh nhạt sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Nay ông T xét thấy tình cảm giữa ông với bà T1 không còn, ông T xin ly hôn bà T1 là có căn cứ.

Qua xác minh chính quyền địa phương cho biết ông T, bà T1 không còn sống chung, ly thân.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T, bà T1 cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T xin ly hôn bà T1 là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[4] Xét về con chung: Có 01 chung chưa trưởng thành tên Kiều Thanh L, sinh ngày 03-01-2020, tại phiên tòa ông T khai trong quá thời gian Tòa án giải quyết ông T trông nom chăm sóc cháu L và ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, Tòa án chưa giải quyết bà T1 xin gặp cháu L và bà T1 đã đưa cháu L về nuôi dưỡng, chăm sóc; Tại phiên tòa ông đồng ý để bà T1 nuôi cháu L và ông không yêu cầu nuôi cháu L là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét điều kiện thu nhập ông T có nghề điện lạnh thu nhập mỗi tháng 20.000.000 đồng.

[6] Xét về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không xem xét, do bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[9] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Kiều Thanh T, ông Kiều Thanh T được ly hôn bà Kiều Thị Diễm T1.

Về con chung: Giao cho bà Kiều Thị Diễm T1 được tiếp tục trực tiếp nuôi 01 con chung tên Kiều Thanh L, sinh ngày 03-01-2020 (hiện con chung bà T1 đang nuôi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Kiều Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; do bà T1 không yêu cầu.

Ông Kiều Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Bà Kiều Thị Diễm T1 là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Kiều Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về án phí: Buộc ông Kiều Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000880 ngày 10-05-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt. Báo cho người có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20-10-2023). Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án theo thủ tục tố tụng.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Chính; Lê Thị Hương

Đoàn Sửu

- Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã P (để biết);
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Phước Hậu (để biết);
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Sứu

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương; Phạm Ngọc Minh

Đoàn Sứ

- Nơi nhận:
THẨM
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
tòa
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Phước Hữu (để biết);
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Đoàn Sứ

